

Số: 476./QĐ-BVNA

Đồng Nai, ngày 27 tháng 10 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công khai ngân sách năm 2025
của Bệnh Viện Nhân Ái (Lần 2)

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Thực hiện công văn số 5617/SYT-KHTC ngày 21 tháng 10 năm 2025 của Giám đốc Sở Y tế Thành Phố Hồ Chí Minh về việc thực hiện công khai ngân sách năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 2153/QĐ-SYT ngày 27 tháng 8 năm 2025 của Sở Y tế Thành phố Hồ Chí Minh về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2025 (Điều chỉnh lần 01);

Theo đề nghị của Theo đề nghị của Kế toán trưởng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thực hiện công khai ngân sách năm 2025 của Bệnh Viện Nhân Ái (chi tiết theo Phụ lục đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Kế toán trưởng và các Khoa, Phòng, Đơn vị, Tổ có liên quan thực hiện quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, TCKT (NTTH 02b).



Trần Kim Anh



Đơn vị: BỆNH VIỆN NHÂN ÁI

Chương 423

DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 416 /QĐ-BVNA ngày 27 tháng 10 năm 2025
của Bệnh Viện Nhân Ái)

Đvt: Triệu đồng

SỐ TT	Nội dung	Dự toán được giao
1	2	3
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	176.757
I	Số thu	5.529
1	Lệ phí (Từ các hoạt động cung cấp các dịch vụ công do nhà nước định giá)	5.429
	Lệ phí...	
	Lệ phí...	
2	Thu từ các hoạt động dịch vụ khác theo quy định của pháp luật	100
	Phí ...	
	Phí ...	
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	
1	Chi sự nghiệp.....	
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
2	Chi quản lý hành chính	
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	1.940
1	Lệ phí (Từ các hoạt động cung cấp các dịch vụ công do nhà nước định giá)	1.900
	Lệ phí...	
	Lệ phí...	
2	Thu từ các hoạt động dịch vụ khác theo quy định của pháp luật	40
	Phí ...	
	Phí ...	
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	171.228
I	Nguồn ngân sách trong nước	
1	Chi quản lý hành chính	
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở	
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng	
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	



Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
4	Chỉ sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	171.228
4.1	- Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	63.896
	- Kinh phí chi tăng lương cơ sở	23.707
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	48.359
	- Chế độ cho bệnh nhân và nhân viên	34.203
	- Mua sắm, sửa chữa trang thiết bị	428
	- Sửa chữa cơ sở vật chất	1.880
	- Tiền thuốc, vật tư y tế, máu cho các bệnh xã hội	6.960
	- Mua sắm xe chuyên dùng	4.196
	- Kinh phí chăm lo Tết âm lịch	692
4.3	- Nguồn cải cách tiền lương	32.000
4.4	- Quỹ tiền thương	3.266
5	Chỉ bảo đảm xã hội	
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
6	Chỉ hoạt động kinh tế	
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
7	Chỉ sự nghiệp bảo vệ môi trường	
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
8	Chỉ sự nghiệp văn hóa thông tin	
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
9	Chỉ sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
10	Chỉ sự nghiệp thể dục thể thao	
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
II	Nguồn vốn viện trợ	
1	Chỉ quản lý hành chính	
1.1	Dự án A	
1.2	Dự án B	
2	Chỉ sự nghiệp khoa học và công nghệ	
2.1	Dự án A	
2.2	Dự án B	
3	Chỉ sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	
3.1	Dự án A	
3.2	Dự án B	
4	Chỉ sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
4.1	Dự án A	
4.2	Dự án B	
5	Chỉ bảo đảm xã hội	
5.1	Dự án A	

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
2.2	Dự án B	
6	Chỉ hoạt động kinh tế	
6.1	Dự án A	
6.2	Dự án B	
7	Chỉ sự nghiệp bảo vệ môi trường	
7.1	Dự án A	
7.2	Dự án B	
8	Chỉ sự nghiệp văn hóa thông tin	
8.1	Dự án A	
8.2	Dự án B	
9	Chỉ sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	
9.1	Dự án A	
9.2	Dự án B	
10	Chỉ sự nghiệp thể dục thể thao	
10.1	Dự án A	
10.2	Dự án B	
III	Nguồn vay nợ nước ngoài	
1	Chỉ quản lý hành chính	
1.1	Dự án A	
1.2	Dự án B	
2	Chỉ sự nghiệp khoa học và công nghệ	
2.1	Dự án A	
2.2	Dự án B	
3	Chỉ sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	
3.1	Dự án A	
3.2	Dự án B	
4	Chỉ sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
4.1	Dự án A	
4.2	Dự án B	
5	Chỉ bảo đảm xã hội	
5.1	Dự án A	
2.2	Dự án B	
6	Chỉ hoạt động kinh tế	
6.1	Dự án A	
6.2	Dự án B	
7	Chỉ sự nghiệp bảo vệ môi trường	
7.1	Dự án A	
7.2	Dự án B	
8	Chỉ sự nghiệp văn hóa thông tin	
8.1	Dự án A	
8.2	Dự án B	
9	Chỉ sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	
9.1	Dự án A	
9.2	Dự án B	
10	Chỉ sự nghiệp thể dục thể thao	
10.1	Dự án A	
10.2	Dự án B	

